

PHỤ LỤC
(Kèm theo Văn bản số /BNV-TCBC ngày tháng năm 2025
của Bộ Nội vụ)

1. Về cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp và không trực tiếp sắp xếp tổ chức bộ máy

Ví dụ 1: Bộ Nội vụ được thành lập trên cơ sở hợp nhất Bộ Nội vụ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Theo đó:

- Một số đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy như: Văn phòng Bộ (hợp nhất Văn phòng của 2 Bộ); Vụ Pháp chế (hợp nhất Vụ Pháp chế của 2 Bộ); Vụ Tổ chức cán bộ (hợp nhất Vụ Tổ chức cán bộ của 2 Bộ)... Một số đơn vị giữ nguyên như: Vụ Công chức - Viên chức, Vụ Tổ chức - Biên chế, Vụ Chính quyền địa phương,... là đơn vị không thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội của Bộ Nội vụ (được thành lập trên cơ sở hợp nhất Cục Lao động - Tiền lương, Vụ Bảo hiểm xã hội của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Vụ Tiền lương của Bộ Nội vụ), gồm 5 đơn vị: Văn phòng (giữ nguyên trạng), Phòng Tiền lương (thành lập trên cơ sở hợp nhất Vụ Tiền lương của Bộ Nội vụ và phòng Tiền lương của Cục Lao động - Tiền lương); Phòng Bảo hiểm xã hội (tổ chức lại Vụ Bảo hiểm xã hội của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); phòng Quan hệ lao động (giữ nguyên trạng) và Trung tâm Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động (giữ nguyên trạng). Theo đó, Phòng Tiền lương, Phòng Bảo hiểm xã hội là đơn vị trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy; Văn phòng, Phòng Quan hệ lao động và Trung tâm Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động là đơn vị không thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

2. Về thời điểm quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy

Ví dụ 2: Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp có hiệu lực từ ngày 01/3/2025. Tuy nhiên, tại Điều 4 đã quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau: Tổng cục Thi hành án dân sự tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật cho đến khi Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thi hành án dân sự¹ có hiệu lực thi hành. Theo đó, việc giải quyết chính sách, chế độ đối với công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan thi hành án dân sự ở các địa phương theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP sẽ được thực hiện sau khi Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng,

¹ Tổng cục Thi hành án dân sự được sắp xếp, tổ chức lại thành Cục Quản lý Thi hành án dân sự (Điều 3 Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ).

nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành.

3. Về cách tính tiền lương tháng hiện hưởng

Ví dụ 3: Ông Nguyễn Văn A, công chức, xếp bậc 4, hệ số lương 5,42 ngạch chuyên viên chính, được hưởng các chế độ phụ cấp sau: phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,4; phụ cấp công vụ 25%, phụ cấp trách nhiệm cấp ủy 0,3; phụ cấp khu vực 0,2. Theo đó, tiền lương tháng hiện hưởng tính chính sách, chế độ của ông A được tính trên cơ sở các chế độ phụ cấp sau: phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,4; phụ cấp công vụ 25% là **17.023.500 đồng/tháng** (phụ cấp trách nhiệm cấp ủy 0,4, phụ cấp khu vực 0,2 không được tính vào tiền lương tháng hiện hưởng).

Ví dụ 4: Ông Nguyễn Văn B, viên chức (xếp bậc 3 hệ số 3,00 ngạch chuyên viên) xin nghỉ việc không hưởng lương từ 01/6/2024 (mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng). Ông B xin thôi việc từ ngày 01/4/2025 do cơ quan trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý. Tiền lương tháng hiện hưởng để tính chính sách, chế độ của ông B được tính trên hệ số lương 3,00 ngạch chuyên viên từ tháng 5/2024, mức lương cơ sở được tính trên mức lương cơ sở của tháng 3/2025 là 2.340.000 đồng/tháng. Theo đó tiền lương tháng hiện hưởng để tính chính sách, chế độ của ông B là **7.020.000 đồng/tháng**.

4. Về cách tính chính sách, chế độ đối với người nghỉ hưu trước tuổi và người nghỉ thôi việc

Ví dụ 5: Ông Nguyễn Văn C, công chức ở Sở A, sinh ngày 15/01/1966, có 22 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, đã xếp bậc 8 hệ số lương 4,65 ngạch chuyên viên kể từ ngày 01/5/2024 và hưởng các chế độ phụ cấp sau: phụ cấp chức vụ hệ số 0,6; phụ cấp công vụ 25% (*tiền lương tháng hiện hưởng là 15.356.250 đồng/tháng*). Do cơ quan trực tiếp sắp xếp tổ chức bộ máy (từ ngày 01/3/2025) nên ông C tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi từ ngày 01/5/2025 và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

Theo Phụ lục I Nghị định số 135/2020/NĐ-CP thì thời điểm nghỉ hưu của ông C là tháng 11/2027 nên tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi (ngày 01/5/2025), ông C nghỉ hưu trước 02 năm 06 tháng so với quy định.

Ngoài được hưởng ngay lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội mà không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi, ông C còn được tổng 3 khoản trợ cấp là: **744.788.125 đồng** (gồm: (1) Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm: $30 \times 15.356.250 = 460.687.500$ đồng; (2) Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm: $2,5 \times 05 \times 15.356.250 = 191.953.125$ đồng; (3) Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội: $06 \times 15.356.250 = 92.137.500$ đồng).

Ví dụ 6: Bà Nguyễn Thị D, công chức ở Ban Tổ chức huyện ủy (có 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), sinh ngày 02/9/1975, có 19 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, đã xếp bậc 7 hệ số lương 4,32 ngạch chuyên viên kể từ ngày 01/5/2024 và hưởng các chế độ phụ cấp sau: phụ cấp công tác đảng - đoàn thể 30%, phụ cấp công vụ 25% (*tiền lương tháng hiện hưởng là 15.668.640 đồng/tháng*). Do kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện nên bà D tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi và được cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết nghỉ hưu trước tuổi kể từ ngày 01/7/2025 (ngày kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện).

Theo Phụ lục II Nghị định số 135/2020/NĐ-CP thì thời điểm nghỉ hưu của bà D là 06/2028 nên tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi (ngày 01/7/2025), bà D nghỉ hưu trước 02 năm 11 tháng so với quy định.

Ngoài được hưởng ngay lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội mà không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi, bà D còn được tổng 3 khoản trợ cấp là **877.443.840 đồng** (gồm: (1) Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm: $35 \times 15.668.640 = 548.402.400$ đồng; (2) Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm: $03 \times 05 \times 15.668.640 = 235.029.600$ đồng; (3) Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội: $06 \times 15.668.640 = 94.011.840$ đồng).

Ví dụ 7: Ông Nguyễn Văn M, công chức của Vụ thuộc Bộ, có tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội là 15 năm, đã xếp bậc 5 hệ số lương 3,66 ngạch chuyên viên và hưởng phụ cấp công vụ 25% (*tiền lương tháng hiện hưởng: 10.705.500 đồng/tháng*). Do cơ quan sắp xếp tổ chức bộ máy, ông M thuộc đối tượng phải nghỉ việc từ ngày 01/6/2025 và bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, ngoài ra còn được tổng số tiền trợ cấp là **786.854.250 đồng** (gồm: (1) Trợ cấp thôi việc: $60 \times 0,8 \times 10.705.500 = 513.864.000$ đồng; (2) Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội: $15 \times 1,5 \times 10.705.500 = 240.873.750$ đồng; (3) Trợ cấp tìm việc làm: $03 \times 10.705.500 = 32.116.500$ đồng)/.